

Số: /2024/NQ-HĐND Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

ĐỀ CƯƠNG NGHỊ QUYẾT

**Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản
cho ngư dân thành phố Hải Phòng đến năm 2030**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn về bảo vệ và phát
triển nguồn lợi thủy sản; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01
năm 2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân
dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ
chuyển đổi nghề khai thác thủy sản cho ngư dân thành phố Hải Phòng đến năm
2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành
phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho
ngư dân hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cá nhân có địa chỉ thường trú tại thành phố Hải Phòng là chủ sở hữu hợp pháp của tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m trở lên (*gọi tắt là chủ tàu cá*).

b) Các cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng và đúng quy định.

2. Mỗi tàu cá chỉ được lựa chọn, áp dụng một chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này.

Điều 3. Hỗ trợ giải bản (phá dỡ) tàu cá khai thác thủy sản

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho chủ tàu cá kinh phí giải bản (phá dỡ) tàu cá và ổn định đời sống sau khi hoàn thành thực hiện giải bản tàu cá.

a) Mức hỗ trợ giải bản tàu cá như sau:

Nhóm tàu cá	Thời gian hoạt động của tàu cá		
	Từ 10 năm đến dưới 15 năm	Từ 15 năm đến dưới 20 năm	Từ 20 năm trở lên
Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m	100 triệu đồng/tàu	80 triệu đồng/tàu	60 triệu đồng/tàu
Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m trở lên	250 triệu đồng/tàu	185 triệu đồng/tàu	125 triệu đồng/tàu

(Thời gian hoạt động của tàu cá = Năm đăng ký thực hiện giải bản – Năm đóng tàu đối với tàu đã đăng ký hoặc năm mua tàu đối với tàu chưa đăng ký)

b) Mức hỗ trợ ổn định đời sống: 12.960.000 đồng/tàu cá.

2. Tàu cá được hưởng hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m đang hoạt động các nghề: lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc), lồng xếp (lò dây, bát quai, dón, lừ), nghề kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu tay mực); đáy, xăm, chần, xiệp, xích, te, xẻo kết hợp với tàu có gắn động cơ; nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông) ở vùng bờ; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m đang hoạt động nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông) ở vùng lộng; tàu cá có tên trong danh sách xem xét hỗ trợ (*kèm theo tại phụ lục Nghị quyết này*).

b) Đăng ký tham gia thực hiện chính sách và được Chi cục Thủy sản chấp thuận.

c) Tàu cá còn khả năng hoạt động khai thác thủy sản tính đến thời điểm thực hiện giải bản.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (mẫu 02).

b) Đăng ký tham gia thực hiện chính sách được Chi cục Thủy sản chấp thuận (mẫu 01).

c) Giấy chứng nhận hoặc giấy xác nhận đăng ký tàu cá do cơ quan có thẩm quyền cấp (bản sao). Trường hợp tàu cá chưa đăng ký, chủ tàu cá phải có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với tàu cá.

d) Biên bản xác nhận thực hiện giải bản tàu cá do Chi cục Thủy sản lập (mẫu 03)

Điều 4. Hỗ trợ kinh phí mua ngư cụ, máy tời để chuyển đổi nghề khai thác thủy sản

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ sau đầu tư cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 15m 100% kinh phí mua ngư cụ, máy tời để chuyển đổi từ các nghề: lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc), lồng xếp (lờ dây, bát quai, dón, lừ), nghề kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu tay mực); đáy, xăm, chần, xiệp, xịch, te, xẻo kết hợp với tàu có gắn động cơ ở vùng bờ; nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông) ở vùng bờ và vùng lòng sông nghề câu, lưới rê, lồng bẫy ghẹ và các nghề khác không cấm theo quy định của pháp luật trong phạm vi hạn ngạch cho phép.

Mức hỗ trợ không vượt quá đối với các trường hợp sau:

a) Chuyển sang nghề câu: 50 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m và 80 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m.

b) Chuyển sang nghề lưới rê: 155 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m và 295 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 m đến dưới 15m.

c) Chuyển sang nghề lồng bẫy ghẹ: 125 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m và 205 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m.

d) Chuyển sang các nghề khác không cấm theo quy định pháp luật: 80 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m và 110 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m.

2. Tàu cá được hưởng hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 15m đang hoạt động các nghề lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc), lồng xếp (lò dây, bát quai, dón, lừ), nghề kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu tay mực); đáy, xăm, chấn, xiệp, xích, te, xẻo kết hợp với tàu có gắn động cơ ở vùng bờ; nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông) ở vùng bờ và vùng lộng; tàu cá có tên trong danh sách xem xét hỗ trợ (*kèm theo tại phụ lục Nghị quyết này*)

b) Đăng ký thực hiện chính sách và được Chi cục Thủy sản chấp thuận.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (*mẫu 02*).

b) Đăng ký tham gia thực hiện chính sách đã được Chi cục Thủy sản chấp thuận (*mẫu 01*).

c) Giấy phép khai thác thủy sản ghi nghề khai thác được chuyển đến (*bản sao*).

d) Hóa đơn mua ngư cụ, máy tời.

Điều 5. Trình tự thực hiện

1. Chủ tàu cá đăng ký tham gia thực hiện chính sách (theo mẫu 1) với Chi cục Thủy sản.

2. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bản Đăng ký, Chi cục Thủy sản kiểm tra và có ý kiến chấp thuận hoặc không chấp thuận trực tiếp vào Bản Đăng ký tham gia thực hiện chính sách và gửi cho chủ tàu cá.

3. Trường hợp Đăng ký đã được chấp thuận, chủ tàu cá thực hiện giải bản tàu cá hoặc chuyển đổi nghề theo hướng dẫn của Chi cục Thủy sản và nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Thủy sản).

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ của chủ tàu cá. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm lãnh đạo: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, quận, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Hải Phòng và Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản.

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt danh sách hỗ trợ.

5. Căn cứ vào Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước cấp huyện để hỗ trợ cho chủ tàu cá theo quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH;
- Chính phủ;
- VP QH, Ban Công tác ĐB;
- VP Chính phủ;
- Bộ NN và PTNT;
- Vụ Pháp chế (Bộ NN và PTNT);
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư Pháp);
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- ĐBQH tại HP;
- UB MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- ĐB HĐND TP Khóa XV;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH, HĐND TP, UBND TP;
- QU, HU, HĐND, UBND các quận, huyện;
- Báo HP, Đài PTTH HP;
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Công báo TP (để đăng);
- Lưu: VT, Hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Lập

**Phụ lục. Danh sách tàu cá xem xét hỗ trợ giải bản,
chuyển đổi nghề trong khai thác thủy sản**

1. Tàu chưa đăng ký tàu cá (72 tàu)

TT	Họ tên chủ tàu	Địa chỉ (xã), số CCCD	Nghề	Vật liệu vỏ tàu	Kích thước			Công suất máy (cv)	Nguồn gốc	
					Lmax	Bmax	D		Nơi đóng/ năm đóng	Nơi mua/ năm mua
	Tiên Lăng									
1	Đặng Văn Thập	Xã Vinh Quang / 031073016053	Kéo moi/ruốc	Gỗ	9,5	3	1,2	60		2015
2	Đặng Văn Ca	Xã Vinh Quang / 031070018411	Kéo moi/ruốc	Gỗ	9,7	3	1,2	28		2015
3	Đặng Văn Hòa	Xã Vinh Quang / 031065017269	Kéo moi/ruốc	Gỗ	10,5	3	1,2	35		2015
4	Đặng Văn Xiêm	Xã Vinh Quang / 031068001961	Kéo moi/ruốc	Gỗ	10,7	3	1,2	32		2015
5	Đặng Văn Xiêm	Xã Vinh Quang	Kéo moi/ruốc	Gỗ	9,6	2,6	1,4	32		2015
6	Nguyễn Văn Xuất	Xã Đông Hưng/ 0310870010698	Xăm	Gỗ	10,48	3,2	1,3	200		2017
7	Hoàng Văn Hùng	Xã Đông Hưng/ '030081018502	Xăm	Gỗ	10,2	3,1	1,3	24		2015
8	Nguyễn Văn Chính	Xã Đông Hưng/ 03108311623	Kéo	Gỗ	9,5	3,1	1,4	24		2018
9	Nguyễn Văn Vinh	Xã Đông Hưng/ 0300884011185	Xăm	Gỗ	11,8	3,1	1,3	24		2018
10	Nguyễn Trọng Cẩn	Xã Đông Hưng/ 031069026217	Lồng	Gỗ	8,9	2,2	1,1	18		2018
11	Nguyễn Văn Chu	Xã Đông Hưng/ 030168016631	Lồng	Gỗ	7,8	3,1	0,9	24		2022
12	Lương Văn Luyện	Xã Đông Hưng/ 031071011822	Lồng	Gỗ	10,0	3,0	1,3	24		2018
13	Phạm Văn Thắng	Xã Đông Hưng/ 031079004726	Đăng	Gỗ	10,0	3,0	1,2	24		2018
14	Nguyễn Văn Sản	Xã Đông Hưng/ 031063001016	Đáy	Gỗ	9,9	3,2	1,3	110		2018
	Thủy Nguyên									
15	Nguyễn Văn Mãi	Xã Lập Lễ/ 031075006708	Câu	Composite	9,6	3,5	1,2	55		2018
16	Bùi Văn Khó	Xã Lập Lễ/ 031075006249	Câu	Composite	9	3,2	1,1	44		2018
17	Đinh Như Cường	Xã Lập Lễ/ 031073019053	Câu	Composite	7,5	1,8	0,9 2	80		2023
18	Nguyễn Văn Hưng	Xã Tam Hưng/ 31066002547	Rê	Gỗ, nhựa	8	2,4	1,5	15		Hà Nam/ 2013
19	Nguyễn Văn Lâm	Xã Tam Hưng/ 31076026030	Rê	Gỗ, nhựa	7,5	2,4	1,5	15		Hà Nam/ 2013
20	Nguyễn Văn Quân	Xã Tam Hưng/ 31077004409	Rê	Gỗ, nhựa	10,5	3	1,5	15		Hà Nam/ 2013
21	Nguyễn Văn Quy	Xã Tam Hưng/ 31056003428	Rê	Sắt, nhựa	6,5	2,4	9	15	Tự đóng/	

TT	Họ tên chủ tàu	Địa chỉ (xã), số CCCD	Nghề	Vật liệu vỏ tàu	Kích thước			Công suất máy (cv)	Nguồn gốc	
					Lmax	Bmax	D		Nơi đóng/năm đóng	Nơi mua/năm mua
									2013	
22	Nguyễn Văn Tuyền	Xã Tam Hưng/ 30068002849	Rê	Nan	6	2,4	1,5	15		Hà Nam/ 2013
23	Lê Thị Ngoan	Xã Tam Hưng/ 31189006214	Rê	Sắt	9,8	3	1,3			Lập Lễ/ 2017
24	Lê Thị Cảnh	Xã Tam Hưng	Rê	Sắt	8,5	2,8	9			Đồng Mối/2012
25	Nguyễn Văn Tuấn	Xã Tam Hưng/ 31090023664	Rê	Nan, nhựa	7	2,4	1,5	15		Hà Nam/ 2017
26	Lê Văn Thành	Xã Tam Hưng/ 100904658	Rê	Nan	6	2,4	1,5	15		Hà Nam/ 2022
27	Nguyễn Văn Nhì	Xã Tam Hưng/ 31063017445	Rê	Gỗ bọc nhựa	13	3	1,5	15		Hà Nam/ 2013
28	Nguyễn Văn Quý	Xã Tam Hưng/ 31080002160	Rê	Gỗ bọc nhựa	7,6	3,68	1,5	15		Hà Nam/ 2023
29	Đình Văn Lỡm	Xã Phả Lễ/ 031071014852	Câu	Gỗ	11,2	4,1	1,4	105	2012	
30	Đình Khắc Bình	Xã Phả Lễ/ 031075007619	Câu	Gỗ	11,5	4,2	1,4 5	125	2013	
31	Vũ Văn Bé	Xã Phả Lễ/ 031075016421	Rê	Gỗ	10,7	3,9	1,2 5	105	2016	
32	Vũ Văn Vọng	Xã Phả Lễ/ 031081009584	Rê	Gỗ	10,5	4,05	1,2	55	2017	
33	Đình Khắc Xấu	Xã Phả Lễ/ 031067010191	Rê	Gỗ	9,2	3,25	0,9 5	32	2017	
34	Lê Văn Bé	Xã Phả Lễ/ 031069003966	Rê	Gỗ	10,2	3,9	0,9	55	2016	
35	Trần Văn Thanh	Xã An Lư/ 031071001581	Rê	Gỗ	8,6	3	1,2	22	2002	
36	Trần Văn Hậu	Xã An Lư/ 031081025884	Kéo	Gỗ	8	2,8	1,2	22	2002	
37	Trần Văn Sỹ	Xã An Lư/ 031077006098	Kéo	Gỗ	9	3,2	1,3	22		
38	Trần Văn Thao	Xã An Lư/ 031088014920	Kéo	Gỗ	8	2,8	1,2	15		
39	Nguyễn Văn Thúc	Xã An Lư/ 031073012401	Kéo	Gỗ	11,5	3,5	1,5	24		
40	Nguyễn Văn Mên	Xã An Lư/ 031073006348	Kéo	Gỗ	10	3	1,3	22		
41	Trịnh Văn Minh	Xã An Lư/ 031068015668	Kéo	Gỗ	8,5	2,8	1,2	15		
42	Phạm Văn Quang	Xã An Lư/ 031078005807	Kéo	Gỗ	7,8	2,5	1,1	15		
43	Phạm Văn Lý	Xã An Lư/ 031084020043	Kéo	Gỗ	8	2,5	1,1	15		
44	Trần Văn Khiêm	Xã An Lư/ 031080016201	Kéo	Gỗ	8	3	1,3	24		2020
45	Nguyễn Văn Châu	Xã An Lư/ 031075015988	Kéo	Gỗ	8	3	1,2	15		

TT	Họ tên chủ tàu	Địa chỉ (xã), số CCCD	Nghề	Vật liệu vỏ tàu	Kích thước			Công suất máy (cv)	Nguồn gốc	
					Lmax	Bmax	D		Nơi đóng/năm đóng	Nơi mua/năm mua
46	Nguyễn Văn Trường	Xã An Lư/ 031082012066	Kéo	Gỗ	7,8	2,8	1,2	15		
47	Bùi Văn Nhì	Xã An Lư/ 031076026286	Kéo	Gỗ	9	3	1,3	22		
48	Nguyễn Văn Thảo	Xã An Lư/ 031071008057	Kéo	Gỗ	10	3,5	1,3	24		
49	Nguyễn Văn Nhị	Xã An Lư/ 031081001357	Kéo	Nhựa	9	3	1,2	22		
50	Bùi Văn Tiến	Xã An Lư/ 031075003786	Kéo	Gỗ	9	3	1,3	22		
51	Bùi Thế Trường	Xã An Lư/ 031097015419	Kéo	Nhựa	8	2,6	1,1	15		
52	Hoàng Liên Sơn	Xã An Lư/ 031060000859	Kéo	Gỗ	6	2,5	1	14		
53	Hoàng Văn Động	Xã An Lư/ 031064012387	Kéo	Gỗ	8	2,6	1,1	15		
54	Bùi Văn Triều	Xã An Lư/ 031085024171	Kéo	Gỗ	7	2,65	1,5	15	2010	
55	Nguyễn Văn Hùng	Xã An Lư/ 031081020533	Kéo	Gỗ	8	2,5	1,2	15		
56	Dương Văn Toàn	Xã An Lư/ 031067016441	Kéo	Gỗ	7	2,8	1,5	15		
57	Trần Minh Phúc	Xã An Lư/ 031381005453	Kéo	Gỗ	11,5	4,5	1,5	22		
58	Phạm Văn Trung	Xã An Lư/ 031084021510	Kéo	Gỗ	8	2,6	1,3	15		
59	Trần Minh Hồng	Xã An Lư/ 031082007536	Kéo	Gỗ	6	2,2	1	15		
60	Trần Văn Thắng	Xã An Lư/ 031087020017	Kéo	Gỗ	6	2,2	1	15		
61	Nguyễn Văn Quân	Xã An Lư/ 031082005604	Kéo	Gỗ	7,8	3	1,5	24	2014	
62	Nguyễn Văn Dũng	Xã An Lư/ 031087011038	Kéo	Gỗ	7,8	2,8	1,5	24	2014	
63	Hoàng Văn Hùng	Xã An Lư/ 031087023149	Kéo	Gỗ	6,5	2,8	1	22	2009	
64	Vũ Văn Vinh	Xã An Lư/ 031079000881	Kéo	Gỗ	11,8	3,8	1,5	55	2001	
65	Trần Văn Bình	Xã An Lư/ 031077014021	Kéo	Gỗ	11,6	3,8	1,5	40	2002	
66	Bùi Văn Lương	Xã An Lư/ 031074000299	Kéo	Gỗ	11,9	3,8	2	55	2001	
67	Bùi Văn Hiện	Xã An Lư/ 031083017258	Kéo	Gỗ	11	3,5	1,2	40	2004	
68	Bùi Văn Tiến	Xã An Lư/ 031069025447	Kéo	Nhựa	8	2,7	1,1	15	2006	
69	Trần Thế Giang	Xã An Lư/ 031088015619	Kéo	Gỗ	11,5	3,5	1,3	40	2008	
70	Trần Văn Láng	Tân Dương/ 022087002363	Rê	Gỗ	7	1,8	1,2	8	2006	

TT	Họ tên chủ tàu	Địa chỉ (xã), số CCCD	Nghề	Vật liệu vỏ tàu	Kích thước			Công suất máy (cv)	Nguồn gốc	
					Lmax	Bmax	D		Nơi đóng/năm đóng	Nơi mua/năm mua
71	Lê Thanh Hà	Tân Dương/ 031069021652	Rê	Gỗ	8	2,85	1,5	20	2002	
72	Lê Văn Dương	Tân Dương/ 022087002363	Rê	Gỗ	8,5	2,4	1,6	18	2008	

2. Tàu cá đã đăng ký nhưng không còn đủ điều kiện hoạt động khai thác thủy sản

TT	Họ và tên chủ tàu	Số đăng ký tàu	Địa chỉ (xã)	Nghề khai thác	Chiều dài tàu (m)	Ghi chú
Tàu từ 6-12m						
1	Đinh Thị Kha	HP-1142-TS	Lập Lễ, Thủy Nguyên	Hậu cần	10,5	
2	Đinh Thị Kha	HP-1143-TS	Lập Lễ, Thủy Nguyên	Hậu cần	10,5	
3	Nguyễn Hữu Ngọc	HP-0283-TS	Bàng La, Đồ Sơn	Lưới lồng	6,8	
4	Nguyễn Đắc Ngọc	HP-0285-TS	Bàng La, Đồ Sơn	Lưới lồng	7	
5	Nguyễn Đắc Thạch	HP-0302-TS	Bàng La, Đồ Sơn	Lưới lồng	6,7	
6	Nguyễn Đắc Hải	HP-0343-TS	Bàng La, Đồ Sơn	Lưới lồng	6,6	
7	Nguyễn Văn Sự	HP-90463-TS	TT Cát Bà, Cát Hải	Câu	11,7	
8	Vũ Văn Chinh	HP-0168-TS	TT Cát Bà, Cát Hải	Rê	10,5	
Tàu từ 12-15m						
9	Đinh Văn Cẩn	HP-90187-TS	Lập Lễ, Thủy Nguyên	Hậu cần	13,7	
10	Đinh Như Đang	HP-90257-TS	Lập Lễ, Thủy Nguyên	Hậu cần	13,7	
11	Đinh Khắc Cường	HP-90826-TS	Lập Lễ, Thủy Nguyên	Hậu cần	12,9	
12	Đinh Văn Hòa	HP-0094-TS	Lập Lễ, Thủy Nguyên	Hậu cần	13,6	
13	Lê Khắc Doanh	HP-90118-TS	Phả Lễ, Thủy Nguyên	Lưới chụp	12,9	
14	Đinh Hữu Sơn	HP-2396-TS	Phả Lễ, Thủy Nguyên	Lưới kéo	12,4	
15	Đinh Hữu Mùi	HP-90079-TS	Phả Lễ, Thủy Nguyên	Lưới kéo	13,4	

TT	Họ và tên chủ tàu	Số đăng ký tàu	Địa chỉ (xã)	Nghề khai thác	Chiều dài tàu (m)	Ghi chú
16	Nguyễn Đăng Khanh	HP-90430-TS	Vạn Hương, Đồ Sơn	Lưới kéo	13	
	Tàu từ 15m trở lên					
17	Lê Khắc Hương	HP-90829-TS	Lập Lễ, Thủy Nguyên	Hậu cần	15,1	
18	Nguyễn Đức Quang	HP-90556-TS	Lập Lễ, Thủy Nguyên	Hậu cần	22,3	
19	Nguyễn Đức Việt	HP-90877-TS	Lập Lễ, Thủy Nguyên	Hậu cần	27.20	
20	Vũ Văn Rộc	HP-90262-TS	Lập Lễ, Thủy Nguyên	Chụp	15	
21	Lê Văn Phúc	HP-90883-TS	Lập Lễ, Thủy Nguyên	Lưới chụp	36.50	
22	Đình Xuân Lộc	HP-90004-TS	Phả Lễ, Thủy Nguyên	Hậu cần	17,0	
23	Nguyễn Khắc Hùng	HP-2005-TS	Đình Đông, Lê Chân	Hậu cần	18,4	
24	Hoàng Văn Triều	HP-90726-TS	Đại Hợp, Kiến Thụy	Rê	27.80	
25	Phạm Văn Xuân	HP-90388-TS	Đại Hợp, Kiến Thụy	Rê	19.20	
26	Đỗ Văn Toàn	HP-1160-TS	TT Cát Bà, Cát Hải	Hậu cần	15,9	
27	Nguyễn Văn Sự	HP-90793-TS	TT Cát Bà, Cát Hải	Lưới chụp	30,8	
28	Đồng Thị Tuyết	HP-90818-TS	TT Cát Bà, Cát Hải	Hậu cần	38,8	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Kính gửi: Chi cục Thủy sản

Tôi tên:.....Năm sinh.....

CCCD số:..... ngày cấp...../...../.....Nơi cấp.....

Đăng ký thường trú tại:.....Điện thoại.....

Là chủ sở hữu của tàu cá sau:

- Số đăng ký: HP.....TS (nếu có). - Chiều dài lớn nhất:.....m.

- Công suất máy..... Năm đóng/năm mua.....

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (hoặc Giấy xác nhận đăng ký tàu cá) số:..... do..... cấp ngày.....

- Giấy phép khai thác thủy sản số:....., nghề khai thác..... do..... cấp ngày.....

- Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu (với tàu chưa đăng ký):.....

Tôi làm đơn này đăng ký thực hiện..... (*giải bản/chuyển đổi nghề*) đối với tàu cá nêu trên để được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Nội dung đăng ký thực hiện đối với chuyển đổi nghề:

- Nghề chuyển đến:.....

- Tên, số lượng, chủng loại máy, ngư cụ cần mua để thực hiện chuyển đổi nghề:.....

Đề nghị Chi cục Thủy sản chấp thuận cho tôi thực hiện nội dung trên./.

Hải Phòng, ngày tháng năm 202...

Người đăng ký

Ý KIẾN CỦA CHI CỤC THỦY SẢN

(*Nêu rõ chấp thuận/không chấp thuận, lý do*)

.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 202....

CHI CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tôi tên:.....Năm sinh.....

CCCD số:..... ngày cấp...../...../.....Nơi cấp.....

Hộ khẩu thường trú tại:.....Điện thoại.....

Là chủ sở hữu của tàu cá: - Số đăng ký: HP.....TS.

- Ngày đóng tàu:..... - Chiều dài lớn nhất:.....m.

Căn cứ Đăng ký tham gia thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố đã được Chi cục Thủy sản chấp thuận, tôi đã hoàn thành công việc (giải bản/chuyển đổi nghề) đối với tàu cá số HP..... TS theo quy định.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố hỗ trợ cho tôi số tiền là:

1. Hỗ trợ kinh phí để thực hiện giải bản tàu cá:..... đồng (Bằng chữ:.....); trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ giải bản tàu cá:..... đồng.

- Kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống: 12.960.000 đồng.

2. Hỗ trợ kinh phí mua ngư cụ, máy tời để thực hiện chuyển đổi từ nghề sang nghề.....:

TT	Tên ngư cụ, máy tời	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Máy tời				
					
	Tổng cộng				

Số tiền đề nghị hỗ trợ bằng chữ:..... đồng.

Đề nghị các cơ quan chức năng xem xét, hỗ trợ./.

Xác nhận UBND xã/phường, thị trấn

.....

Hải Phòng, ngày tháng năm

Người làm đơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN GIẢI BẢN TÀU CÁ

Hôm nay, vào hồi....., tại.....

I. Thành phần tham dự:

1. Đại diện Chi cục Thủy sản:.....
2. Đại diện Đoàn/Trạm Biên phòng:.....
3. Đại diện Ủy ban nhân dân huyện, quận:.....
4. Đại diện Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:.....
5. Chủ tàu cá:.....

II. Hiện trạng tàu cá trước khi giải bản

Qua kiểm tra, các bên ghi nhận:

- Số đăng ký: HP.....TS (nếu có). - Chiều dài lớn nhất:.....m.
- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (hoặc Giấy xác nhận đăng ký tàu cá) số:..... do..... cấp ngày.....
- Ngày, tháng, năm đóng tàu:..... Giấy phép khai thác thủy sản số:....., nghề khai thác.....do..... cấp ngày.....
- Hiện trạng vỏ, thân tàu:.....
- Máy tàu:.....
- Ngư cụ:.....
- Trang thiết bị khác:.....

Kết luận:...(*nêu rõ tàu cá còn khả năng/không còn khả năng khai thác thủy sản*).

III. Giải bản

Các bên đã chứng kiến chủ tàu cá thực hiện giải bản tàu cá như sau:

- Phần vỏ, thân tàu:.....
- Máy tàu:.....
- Ngư cụ:.....
- Trang thiết bị khác:.....

Kết luận:...(*nêu rõ tàu cá không còn khả năng lắp ghép trở lại để đi khai thác*).

Biên bản được lập vào hồi....., được tất cả các bên thông qua và nhất trí ký tên./.

Chủ tàu cá	UBND huyện	UBND xã, phường, thị trấn	Đoàn/Trạm Biên phòng	Chi cục Thủy sản	Người lập
------------	------------	---------------------------	----------------------	------------------	-----------